

PHÁP LUẬT VỀ NGÂN HÀNG THUẦN SỐ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CỦA HỒNG KÔNG, ĐÀI LOAN VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

*Luu Minh Sang**
*Trần Gia Nghi***

Tóm tắt: Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ tài chính đã thúc đẩy sự ra đời của các ngân hàng thuần số và đặt ra yêu cầu cấp thiết về xây dựng khung pháp lý để quản lý hiệu quả mô hình ngân hàng mới này. Bài viết nghiên cứu các quy định pháp luật điều chỉnh ngân hàng thuần số tại Hồng Kông và Đài Loan, từ đó đưa ra các bài học kinh nghiệm hữu ích và gợi mở giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho Việt Nam. Các nội dung trọng tâm bao gồm điều kiện cấp phép, quản lý rủi ro, bảo mật thông tin khách hàng và cơ chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Từ khoá: Ngân hàng thuần số, fintech, khung pháp lý, an ninh mạng.

Abstract: The rapid development of financial technology has driven the emergence of digital banks and created an urgent need to establish a legal framework to effectively regulate this new banking model. This article examines the legal regulations governing digital banking in Hong Kong and Taiwan, thereby drawing useful lessons and proposing solutions to improve Vietnam's legal framework. The key issues addressed include licensing conditions, risk management, protection of customer information and mechanisms for safeguarding consumer rights.

Keywords: Digital banking; Fintech; Legal framework; Cybersecurity.

1. Đặt vấn đề

Công nghệ tài chính (fintech) ngày càng phổ biến trong thời đại số hóa, với ngân hàng thuần số là minh chứng rõ nét, đặt ra thách thức cho quản lý hệ thống ngân hàng. Việc xây dựng khung pháp lý mới để điều chỉnh mô hình này trở nên cấp thiết. Nhiều quốc gia/vùng lãnh thổ, điển hình như Đài Loan (Financial Services Commission - Ủy ban Tài chính (FSC) ban hành quy định 4/2018)¹ và Hồng Kông (quy định từ

2018)², đã nhanh chóng phản ứng, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngân hàng thuần số. Nghiên cứu kinh nghiệm từ hai thị trường này cung cấp bài học quý giá cho Việt Nam trong việc xây dựng pháp lý phù hợp, thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao cạnh tranh và đảm bảo phát triển bền vững hệ

* ThS, NCS., Trường đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

** Trường đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

¹ Financial Services Commission, *FSC announced related regulations regarding internet-only banks establishment and started to accept applications*, https://www.fsc.gov.tw/en/home.jsp?id=476&parent_path=0%2C4, truy cập ngày 05/3/2025.

² Hong Kong Monetary Authority, *Digital Banks*, <https://www.hkma.gov.hk/eng/key-functions/banking/banking-regulatory-and-supervisory-regime/digital-banks/>, truy cập ngày 11/3/2025.

thống tài chính trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Khái quát về ngân hàng thuần số

Theo nghiên cứu của International Business Machines (IBM), mô hình ngân hàng số trên thế giới hiện nay có thể chia thành 04 loại, bao gồm: Mô hình thương hiệu ngân hàng số, mô hình kênh ngân hàng số (digibank channel), mô hình ngân hàng số là công ty con và mô hình ngân hàng số nguyên bản – hay còn được gọi là mô hình ngân hàng thuần số (neobank hoặc internet-only bank)³.

Tại Hồng Kông, ngân hàng thuần số được gọi dưới cái tên ngân hàng ảo (virtual bank). Theo Hướng dẫn về việc cấp phép cho các Ngân hàng ảo (Guideline on Authorization of Digital Banks) được ban hành vào ngày 30/5/2018, sửa đổi bổ sung ngày 25/10/2024, ngân hàng ảo không phải là những ngân hàng truyền thống được cấp phép sử dụng internet hay các phương tiện điện tử khác làm kênh thay thế để cung cấp sản phẩm, dịch vụ của mình cho khách hàng⁴. Tại Thái Lan, Điều 2 Thông báo của Bộ Tài chính về Quy định, thủ tục và điều kiện xin cấp và cấp giấy phép Ngân hàng ảo (Ministry of Finance Notification Re: Rules, Procedures, and Conditions for the Application for and the Issuance of a Virtual Bank License), ngân hàng ảo được định nghĩa là một công ty đại chúng được phép hoạt động như một ngân hàng thương

mại cung cấp các dịch vụ của họ thông qua các kênh kỹ thuật số, không bao gồm ngân hàng bán lẻ và công ty con của các ngân hàng thương mại nước ngoài⁵. Định nghĩa về ngân hàng thuần số của Hàn Quốc được nêu trong Luật về Các trường hợp đặc biệt về thành lập và hoạt động của ngân hàng thuần số (Act on Special Cases Concerning Establishment and Operation of Internet-Only Banks). Cụ thể, tại Điều 2 của Luật, ngân hàng thuần số được định nghĩa là những ngân hàng thực hiện hoạt động kinh doanh ngân hàng thông qua các giao dịch điện tử⁶. Quy định này không đề cập đến việc ngân hàng thuần số phải sở hữu giấy phép, tuy nhiên, tại Điều 3.2 Luật yêu cầu ngân hàng thuần số chịu sự điều chỉnh của Luật Ngân hàng (Banking Act). Theo Luật này, bất kỳ cá nhân, tổ chức nào có ý định tham gia hoạt động ngân hàng đều phải xin phép FSC⁷.

Nói tóm lại, ngân hàng thuần số là một tổ chức tín dụng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép và có quyền thực hiện đầy đủ các hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật. Ngân hàng thuần số hoạt động hoàn toàn trên môi trường số mà không có hoặc hạn chế sự hiện diện vật lý dưới hình thức chi nhánh hoặc phòng giao dịch truyền thống. Việc cấp phép đầy đủ này dẫn đến việc ngân hàng thuần số chịu sự quản lý và giám sát pháp lý về cơ bản

³ International Business Machines, *IBM White, Designing a sustainable digital bank*, <https://www.slideshare.net/slideshow/designing-a-sustainable-digital-bank/56317765>, truy cập ngày 05/3/2025.

⁴ Điều 1 Authorization of Virtual Banks - A Guideline issued by the Monetary Authority under Section 16(10).

⁵ Điều 2 Ministry of Finance Notification Re: Rules, Procedures, and Conditions for the Application for and the Issuance of a Virtual Bank License.

⁶ Điều 2 Act on Special Cases Concerning Establishment and Operation of Internet-Only Banks.

⁷ Điều 8 Banking Act of Korea.

tương tự như ngân hàng truyền thống⁸. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng ngân hàng thuần số là một pháp nhân độc lập, không phải là kết quả từ quá trình chuyển đổi số của một ngân hàng truyền thống đã có sẵn⁹.

3. Kinh nghiệm của Hồng Kông, Đài Loan trong việc xây dựng khung pháp lý điều chỉnh ngân hàng thuần số

3.1. Tổng quan bối cảnh thị trường

Tại Hồng Kông, vào năm 2017, Cơ quan Quản lý tiền tệ Hồng Kông (Hong Kong Monetary Authority - HKMA) đã tuyên bố mục tiêu đưa các ngân hàng nội địa tiến vào “Kỷ nguyên Ngân hàng thông minh”¹⁰. Mục tiêu của HKMA là đảm bảo cho ngành dịch vụ tài chính có thể phục vụ được cộng đồng, bao gồm ở những cộng đồng mà thị trường ít sinh lãi hơn¹¹. Trong bối cảnh này, mô hình ngân hàng thuần số được xem là giải pháp hiệu quả và thiết thực, đáp ứng mục tiêu phát triển tài chính toàn diện của HKMA. Đến năm 2019, HKMA đã chính thức cấp phép cho 08 ngân hàng thuần số, gồm: ZA Bank, Airstar Bank, WeLab Bank, Livi Bank, Mox Bank,

Ant Bank, PingAn OneConnect Bank, Fusion Bank¹².

Tại Đài Loan, ý tưởng thành lập ngân hàng thuần số xuất phát từ áp lực cạnh tranh mạnh mẽ về đổi mới công nghệ trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Với mục tiêu hỗ trợ các tổ chức tài chính trong nước bắt kịp xu hướng số hóa toàn cầu, tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh mới và đáp ứng các nhu cầu đặc biệt từ thế hệ khách hàng trẻ, vào ngày 16/4/2018, FSC đã chính thức công bố chính sách khuyến khích đổi mới tài chính, trong đó cho phép thành lập ngân hàng thuần số. Sau khi FSC công bố chính sách trên, ba công ty lớn gồm LINE, Chunghwa Telecom và Rakuten Bank đã nhanh chóng nộp đơn xin cấp phép vào tháng 2/2019. Sau quá trình đánh giá, thẩm định chặt chẽ, FSC đã cấp phép cho ba ngân hàng này hoạt động dưới hình thức ngân hàng thuần số đầu tiên tại Đài Loan vào ngày 30/7/2019¹³.

Bên cạnh đó, với việc không ngừng mở rộng các dịch vụ tài chính số và ứng dụng công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và chuỗi khối (blockchain), các ngân hàng thuần số tại hai thị trường này được kỳ vọng sẽ tiếp tục làm thay đổi mạnh mẽ cục diện ngành ngân hàng và đóng góp vào sự phát triển nền kinh tế số tại Hồng Kông và Đài Loan. Một đóng góp quan trọng khác của mô hình ngân hàng thuần số chính là thúc đẩy tài chính toàn diện. Cụ thể, mô hình ngân hàng thuần số này giúp các nhóm khách hàng có thu nhập

⁸ Katarzyna Schmidt-Jessa, *The impact of COVID-19 on digital-only banks: Are they winners or losers*, Journal of Banking Regulation, Vol 24, 2023, p. 318.

⁹ Benedikt Jakob Peter Wamsler, *Neo-banks versus traditional banks: A comparative study of operations and financial performance in Europe*, Luận văn thạc sĩ, Dissertação de mestrado, Iscte - Instituto Universitário de Lisboa, Repositório Iscte, 2023, p.10.

¹⁰ Hong Kong Monetary Authority, *A New Era of Smart Banking*, <https://www.hkma.gov.hk/eng/news-and-media/press-releases/2017/09/20170929-3/>, truy cập ngày 23/02/2025.

¹¹ Hong Kong Monetary Authority, *Keynote Speech at the HKAB & HKIB Distinguished Speaker Luncheon*, <https://www.hkma.gov.hk/eng/news-and-media/speeches/2019/09/20190926-2/>, truy cập ngày 23/02/2025.

¹² Statrys, *8 Virtual Banks in Hong Kong: How Do They Compare?*, <https://statrys.com/blog/virtual-banks-hk>, truy cập ngày 23/3/2025.

¹³ Financial Supervisory Commission, *FinTech development roadmap*, <https://www.fsc.gov.tw/en/ho-me.jsp?id=389&parentpa>, truy cập ngày 31/3/2025.

thấp hoặc chưa có điều kiện tiếp cận được dịch vụ ngân hàng truyền thống có thể dễ dàng mở tài khoản và thực hiện các giao dịch tài chính. Đến cuối năm 2023, số lượng người sử dụng các ngân hàng thuần số ở Hồng Kông đã đạt 2,2 triệu người, phản ánh mức độ chấp nhận ngày càng cao của người dân đối với mô hình ngân hàng này. Thị phần chung của các ngân hàng thuần số tại đây tăng lên 8,8% trong cùng năm, cho thấy khả năng cạnh tranh ngày càng mạnh với các ngân hàng truyền thống¹⁴.

3.2. Quy định về cấp phép, quản lý và giám sát

Tại Hồng Kông, theo quy định hiện hành, khi thành lập một ngân hàng thuần số, mức vốn điều lệ được yêu cầu tối thiểu là 300 triệu đô la Hồng Kông, bao gồm vốn cổ phần và số dư của tài khoản thặng dư vốn cổ phần¹⁵. Ngoài ra, ngân hàng thuần số tại đây phải do một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính nắm giữ phần lớn cổ phần hoặc thông qua một công ty mẹ được thành lập tại Hồng Kông¹⁶. Điều 9.9 Hướng dẫn cấp phép (Guide to Authorization) cũng quy định cụ thể về các điều kiện giám sát sẽ được áp dụng cho ngân hàng thuần số. Theo đó, các điều kiện này sẽ bao gồm: (1) Yêu cầu về vốn và khả năng thanh khoản; (2) Quản lý các rủi ro trọng yếu và rủi ro nội bộ; (3) Kiểm soát chi phí và định giá tài sản; (4) Cơ cấu tổ chức và phạm vi hoạt động được phép thực hiện; (5) Năng lực, tính phù hợp và trách nhiệm của giám đốc cũng như

ban quản lý cấp cao và (6) Nghĩa vụ cung cấp định kỳ các thông tin tài chính và thông tin liên quan khác cho HKMA¹⁷.

Đối với việc quản trị rủi ro, Hướng dẫn cấp phép của HKMA yêu cầu người nộp đơn xin cấp phép hoạt động ngân hàng thuần số phải nhận diện và quản lý 08 loại rủi ro cơ bản được xác định bởi HKMA, bao gồm: Rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng, rủi ro pháp lý và cuối cùng là rủi ro chiến lược. Các ngân hàng thuần số phải thiết lập đầy đủ các cơ chế kiểm soát phù hợp nhằm quản lý hiệu quả các loại rủi ro này¹⁸. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo hạn chế tối đa các rủi ro có thể tác động tiêu cực đến hệ thống ngân hàng, HKMA yêu cầu ngân hàng số phải cung cấp một bản báo cáo đánh giá độc lập về mức độ đầy đủ của hệ thống quản trị công nghệ thông tin được thực hiện bởi bên chuyên gia đủ trình độ và độc lập. Báo cáo này phải thể hiện được các yếu tố như: Bảo mật hệ thống, quy trình kiểm soát nội bộ và chất lượng quản trị công nghệ thông tin¹⁹.

Quy định về cấp phép của ngân hàng thuần số tại Hồng Kông tương tự với ngân hàng truyền thống. Tại đây, chỉ có duy nhất một loại giấy phép ngân hàng được áp dụng chung cho cả ngân hàng truyền thống lẫn ngân hàng thuần số²⁰. Điều này thể hiện rõ ràng, về phương diện pháp lý, ngân hàng

¹⁴ Hong Kong Monetary Authority, *Report on the Review of Virtual Banks*, 2024, p.5.

¹⁵ Điều 21 Authorization of Virtual Banks - A Guideline issued by the Monetary Authority under Section 16(10).

¹⁶ Điều 9.9 Chương 9 Guide to Authorization.

¹⁷ Điều 9.9 Chương 9 Guide to Authorization.

¹⁸ Điều 9.17 Chương 9 Guide to Authorization.

¹⁹ Điều 9.15 Chương 9 Guide to Authorization.

²⁰ Johannes Ehrentraud, Denise Garcia Ocampo và Camila Quevedo Vega, *FSI Insights on policy implementation No 27 - Regulating fintech financing: digital banks and fintech platforms*, BIS Papers, 2020, p.10.

thuần số có vị thế và chịu sự giám sát tương đương với ngân hàng truyền thống. Quy định này cũng phản ánh chiến lược ứng dụng hiệu quả những tiến bộ khoa học – công nghệ của Hồng Kông, hướng tới tương lai số hóa toàn diện các hoạt động tài chính, qua đó thúc đẩy tài chính toàn diện và giảm thiểu tình trạng loại trừ tài chính.

Liên quan đến vấn đề hiện diện vật lý, HKMA cho phép những ngân hàng thuần số được thành lập từ một đến nhiều chi nhánh vật lý để bổ sung cho mạng lưới hoạt động số hoá với điều kiện phải được sự chấp thuận của HKMA²¹.

Tại Đài Loan, quy định về điều kiện thành lập, cấp phép đối với ngân hàng số được quy định chung tại Luật Ngân hàng (Banking Act) và hướng dẫn bởi các văn bản pháp luật liên quan. Cụ thể, tại Điều 1 của Tiêu chuẩn quản lý việc thành lập Ngân hàng thương mại (Standards Governing the Establishment of Commercial Banks) đã nêu rõ phạm vi áp dụng, trong đó văn bản này được ban hành dựa trên cơ sở pháp lý là Đoạn thứ 3 Điều 52 của Luật Ngân hàng. Theo đó, tiêu chuẩn thành lập đối với ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật này hoặc các văn bản khác do cơ quan có thẩm quyền quy định. Vì vậy, ngân hàng thuần số, với một sự đặc thù riêng về mô hình hoạt động, cũng được xác định các điều kiện cấp phép và tiêu chuẩn hoạt động cụ thể tại Tiêu chuẩn quản lý việc thành lập Ngân hàng thương mại.

Theo quy định hiện hành tại Đài Loan, mức vốn tối thiểu để thành lập một ngân

hàng thuần số tại Đài Loan là 10 tỷ Đài tệ, bao gồm tiền mặt của nhà sáng lập và các cổ đông²². Đối với nhà sáng lập ngân hàng, pháp luật yêu cầu ít nhất một trong số đó phải là ngân hàng hoặc một công ty cổ phần tài chính với tỷ lệ vốn góp tối thiểu là 40% tổng vốn điều lệ. Khoản vốn này có thể được cam kết góp đủ trong một thời gian nhất định theo quy định pháp luật²³. Ngoài ra, các cổ đông được yêu cầu phải đăng ký mua ít nhất 80% tổng số vốn điều lệ tại thời điểm thành lập ngân hàng và số vốn điều lệ còn lại phải được phát hành ra công chúng nhằm đảm bảo tính minh bạch trong cấu trúc sở hữu cũng như thu hút vốn đầu tư từ công chúng²⁴.

Về cơ bản, các rủi ro mà ngân hàng thuần số tại Đài Loan phải đối diện tương tự như một ngân hàng truyền thống, bao gồm các rủi ro liên quan đến thanh khoản dự phòng, chất lượng dữ liệu, các mô hình chấm điểm tín dụng, bảo mật dữ liệu, kế hoạch dự phòng cho các tin tức hay tin đồn tiêu cực, quản trị doanh nghiệp, chống cạnh tranh không lành mạnh và bảo vệ người tiêu dùng²⁵. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động hoàn toàn dựa trên nền tảng số, các ngân hàng thuần số được yêu cầu thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro nghiêm

²² Điều 2 Standards Governing the Establishment of Commercial Banks.

²³ Financial Services Commission, *Policy announcement for internet-only bank establishment*, <https://www.fsc.gov.tw/en/home.jsp?id=473&parentpath=0%2C4>, truy cập ngày 26/02/2025.

²⁴ Điều 2 Standards Governing the Establishment of Commercial Banks.

²⁵ Deloitte, *Comparison of Regulatory Requirements for Digital Bank*, <https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/my/Documents/risk/my-risk-regulatory-requirements-digital-banks.pdf>, truy cập ngày 26/02/2025.

²¹ Điều 7 Authorization of Virtual Banks - A Guideline issued by the Monetary Authority under Section 16(10).

ngặt và chuyên biệt hơn so với ngân hàng truyền thống.

Tương tự như Hồng Kông, Đài Loan cũng chỉ áp dụng một loại giấy phép duy nhất được cấp cho ngân hàng truyền thống và ngân hàng thuần số. Việc áp dụng chung một loại giấy phép này để tránh tình trạng phân biệt đối xử về mặt pháp lý giữa hai mô hình hoạt động. Điều này nhằm duy trì tính ổn định của hệ thống tài chính, đồng thời ngăn ngừa việc các ngân hàng thuần số nhận được ưu đãi pháp lý có thể làm giảm tính cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Điểm khác biệt rõ nhất về pháp lý giữa ngân hàng thuần số và ngân hàng truyền thống tại Đài Loan là việc thiết lập các chi nhánh vật lý. FSC quy định rõ rằng, các ngân hàng thuần số không được phép mở chi nhánh vật lý nhằm khuyến khích các ngân hàng này tập trung cung cấp dịch vụ hoàn toàn trực tuyến, đồng thời giảm thiểu tối đa các chi phí vận hành truyền thống.

3.3. Quy định về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu khách hàng và quản lý rủi ro

Tại Hồng Kông, ngân hàng thuần số chịu sự giám sát theo cùng cơ chế được áp dụng đối với ngân hàng truyền thống²⁶. Khung pháp lý quy định về yêu cầu và cơ chế giám sát này là Khung Quản lý và Giám sát (Regulatory & Supervisory Framework), Sổ tay chính sách giám sát (Supervisory Policy Manual) cùng các hướng dẫn và thông tư liên quan.

²⁶ Hong Kong Monetary Authority, *Digital Banks*, <https://www.hkma.gov.hk/eng/key-functions/banking/banking-regulatory-and-supervisory-regime/digital-banks/#:~:text=Digital%20banks%20are%20subject%20to,Manual%2C%20Guidelines%2C%20and%20Circulars.>, truy cập ngày 28/02/2025.

Đối với phương pháp giám sát, HKMA áp dụng phương pháp giám sát dựa trên rủi ro (risk-based supervision), kết hợp giữa giám sát liên tục thông qua các cuộc kiểm tra tại chỗ (on-site inspections), đánh giá từ xa (off-site surveillance), các cuộc họp trao đổi thông tin với các kiểm toán viên bên ngoài và chia sẻ thông tin với các cơ quan giám sát khác nhằm phát hiện sớm các vấn đề rủi ro tiềm ẩn ngay từ giai đoạn đầu²⁷.

Ngân hàng thuần số tại Hồng Kông được yêu cầu tuân thủ Hiến chương đối xử công bằng với khách hàng (Treat Customers Fairly Charter) cũng như Bộ quy tắc thực hành Ngân hàng (Code of Banking Practice). Các tranh chấp phát sinh giữa người tiêu dùng tài chính và ngân hàng thuần số được giải quyết tại Trung tâm Giải quyết tranh chấp tài chính (Financial Dispute Resolution Centre - FDRC)²⁸ hoặc Ủy ban Xử lý khiếu nại Ngân hàng thuộc HKMA (HKMA Complaints Processing Centre)²⁹. Đặc biệt, FDRC cung cấp cơ chế hòa giải và trọng tài độc lập nhằm giúp các bên giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng, tiết kiệm chi phí, không cần thông qua thủ tục tố tụng tại tòa án³⁰.

²⁷ Hong Kong Monetary Authority, *Regulatory & Supervisory Framework*, <https://www.hkma.gov.hk/eng/key-functions/banking/banking-regulatory-and-supervisory-regime/regulatory-supervisory-framework/>, truy cập ngày 28/02/2025.

²⁸ Financial Dispute Resolution Centre, *About us: Our role*, https://www.fdr.org.hk/en/html/aboutus/aboutus_role.php, truy cập ngày 31/3/2025.

²⁹ Hong Kong Monetary Authority, *Frequently asked questions: Banking*, <https://www.hkma.gov.hk/eng/smart-consumers/frequently-asked-questions/banking/b/>, truy cập ngày 31/3/2025.

³⁰ Financial Dispute Resolution Centre, *Resolving disputes*, <https://www.fdr.org.hk/en/html/resolving-disputes/resolvingdisputes.php>, truy cập ngày 31/3/2025.

Về nghĩa vụ phòng, chống rửa tiền, các ngân hàng thuần số phải tuân thủ nghiêm ngặt theo Hướng dẫn về Phòng chống rửa tiền và Chống tài trợ khủng bố (Guideline on Anti-Money Laundering and Counter Financing of Terrorism). Nghĩa vụ chính của các ngân hàng thuần số bao gồm: Thực hiện xác minh danh tính khách hàng trước khi thiết lập quan hệ kinh doanh, đặc biệt là đối với các giao dịch đáng ngờ³¹; giám sát liên tục hoạt động giao dịch; lưu trữ hồ sơ khách hàng và báo cáo đầy đủ các giao dịch đáng ngờ³². Trong trường hợp không thực hiện đúng nghĩa vụ báo cáo về giao dịch đáng ngờ, ngân hàng có thể bị xử phạt hành chính với mức phạt lên đến 50.000 đô la Hồng Kông.

Tại Đài Loan, theo các quy định do FSC ban hành, Ngân hàng Trung ương Đài Loan (Central Bank of the Republic of China) (Taiwan) có thẩm quyền tiến hành các cuộc kiểm tra về các vấn đề liên quan đến chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối và hệ thống thanh toán đối với ngân hàng thuần số. Ngoài các cuộc kiểm tra có mục đích, ngân hàng thuần số cũng phải chịu sự giám sát ngoài cơ sở để xác định điểm yếu của tổ chức mình và nắm bắt toàn cảnh tình hình tài chính để có phản ứng phù hợp và kịp thời. Trong các cuộc kiểm tra trực tiếp tại cơ sở, Ngân hàng Trung ương cử đoàn thanh tra đến kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật của ngân hàng thuần số³³. Do

các ngân hàng thuần số tại Đài Loan không có chi nhánh vật lý, các cuộc kiểm tra trực tiếp này sẽ được thực hiện tại trụ sở chính của ngân hàng. Song song đó, giám sát từ xa được thực hiện thông qua các hệ thống công nghệ thông tin nhằm xác định kịp thời những điểm yếu trong tổ chức, từ đó ngân hàng có thể nhanh chóng điều chỉnh, phản ứng phù hợp và hiệu quả.

Về phòng chống rửa tiền, các ngân hàng thuần số tại Đài Loan phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định được nêu trong Quy định về phòng chống rửa tiền của các tổ chức tài chính (Regulations Governing Anti-Money Laundering of Financial Institutions). Theo đó, ngân hàng thuần số bắt buộc phải thực hiện các biện pháp thẩm định khách hàng (Customer Due Diligence – CDD) khi thiết lập mối quan hệ kinh doanh mới với bất kỳ khách hàng nào, khi thực hiện giao dịch chuyển tiền xuyên biên giới từ 30.000 Đài tệ trở lên, khi có nghi ngờ về rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc khi ngân hàng nghi ngờ về tính xác thực, đầy đủ của dữ liệu nhận dạng khách hàng đã thu thập trước đó³⁴.

Ngoài các nghĩa vụ liên quan đến phòng, chống rửa tiền, Đài Loan cũng áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tài chính nhằm đảm bảo sự minh bạch và công bằng trong quan hệ giao dịch. Ngân hàng thuần số phải tuân thủ các quy định được nêu trong Luật Bảo vệ người tiêu dùng dịch vụ tài chính (Financial Consumer Protection Act) và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Cơ chế giải quyết tranh chấp giữa ngân hàng thuần số và người tiêu dùng tài chính

³¹ Điều 4.2 Guideline on Anti-Money Laundering and Counter Financing of Terrorism.

³² Điều 7.1 Guideline on Anti-Money Laundering and Counter Financing of Terrorism.

³³ Central Bank of the Republic of China (Taiwan), *Supervisory Process*, <https://www.cbc.gov.tw/en/cp-493-883-D5AE2-2.html>, truy cập ngày 01/3/2025.

³⁴ Điều 3 Regulations Governing Anti-Money Laundering of Financial Institutions.

được thực hiện thông qua Financial Ombudsman Institution - Trung tâm Giải quyết Tranh chấp Tài chính (FOI). FOI cung cấp dịch vụ hòa giải và phân xử độc lập nhằm giúp các bên đạt được thỏa thuận giải quyết tranh chấp một cách công bằng, hiệu quả, tiết kiệm thời gian và chi phí, không cần phải thông qua thủ tục tố tụng tại tòa án³⁵.

4. Sự cần thiết ban hành quy định điều chỉnh ngân hàng thuần số tại Việt Nam và một số gợi mở

4.1. Sự cần thiết phải xây dựng khung pháp lý cho ngân hàng thuần số

Trong bối cảnh nhiều quốc gia trên thế giới đã có quy định cụ thể điều chỉnh hoạt động của ngân hàng thuần số, Việt Nam vẫn chưa có hệ thống pháp luật riêng biệt cho mô hình này. Hiện tại, ngân hàng số tại Việt Nam chỉ được xem như một dịch vụ trực tuyến của ngân hàng thương mại, hoạt động dưới sự bảo trợ của các ngân hàng truyền thống, thay vì được công nhận là một loại hình ngân hàng độc lập. Việc thiếu hành lang pháp lý rõ ràng không chỉ hạn chế sự phát triển của ngân hàng thuần số mà còn tạo ra những khoảng trống pháp lý, làm tăng rủi ro trong quá trình vận hành và quản lý.

Thứ nhất, việc phát triển ngân hàng thuần số đáp ứng xu hướng tất yếu của sự chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính. Trên thế giới, nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ đã tiên phong xây dựng hệ thống ngân hàng thuần số độc lập, nổi bật như Hồng Kông và Đài Loan. Những mô hình này không chỉ

minh chứng cho tính khả thi mà còn khẳng định vai trò của khung pháp lý rõ ràng trong việc thúc đẩy đổi mới fintech. Trong khi đó, tại Việt Nam, dù các nền tảng ngân hàng số như Timo, TNEX, Cake by VPBank, Ubank by VPBank, hay Octo by CIMB đã xuất hiện và thu hút người dùng nhờ giao diện thân thiện và dịch vụ linh hoạt, chúng vẫn chưa thực sự là các ngân hàng thuần số độc lập. Thay vào đó, các nền tảng này hoạt động dưới sự bảo trợ pháp lý của giấy phép ngân hàng thương mại truyền thống, dẫn đến sự hạn chế về tính tự chủ và khả năng mở rộng mô hình. Điều này cho thấy sự cần thiết phải xây dựng một khung pháp lý riêng biệt tại Việt Nam để hỗ trợ sự phát triển của các ngân hàng thuần số độc lập, từ đó bắt kịp xu hướng toàn cầu và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dùng trong kỷ nguyên số.

Thứ hai, việc phát triển ngân hàng thuần số góp phần khắc phục khoảng trống pháp lý và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động ngân hàng. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định chuyên biệt điều chỉnh ngân hàng thuần số. Thay vào đó, các nền tảng ngân hàng số hiện hành buộc phải hoạt động trong mô hình hợp tác hoặc dưới giấy phép của các ngân hàng thương mại truyền thống. Dù Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đã mở ra bước tiến với việc giới thiệu cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (regulatory sandbox) cho các đổi mới tài chính, bao gồm lĩnh vực ngân hàng, nhưng sự thiếu vắng các văn bản hướng dẫn cụ thể đã khiến cơ chế này chưa thể đi vào thực tiễn. Hơn nữa, Thông tư số 50/2024/TT-NHNN vẫn duy trì cách tiếp cận truyền thống khi định nghĩa ngân hàng số như một

³⁵ Financial Services Commission, *About Financial Ombudsman Institution (FOI)*, <https://www.fsc.gov.tw/en/home.jsp?id=263&parentpath=0,261>, truy cập ngày 01/3/2025.

dịch vụ trực tuyến hỗ trợ trong hoạt động của ngân hàng thương mại, thay vì công nhận đây là một loại hình tổ chức tín dụng độc lập với bản chất và nhu cầu quản lý riêng biệt. Điều này dẫn đến một khoảng trống pháp lý đáng kể, thể hiện ở sự thiếu hụt các quy định về điều kiện cấp phép, tiêu chuẩn vận hành, quản trị rủi ro công nghệ, đảm bảo an toàn vốn, và đặc biệt là cơ chế bảo vệ quyền lợi khách hàng trong môi trường số. Đây vốn là những yếu tố cốt lõi để đảm bảo tính minh bạch và bền vững của ngân hàng thuần số. Việc chậm trễ trong xây dựng khung pháp lý chuyên biệt không chỉ kìm hãm tiềm năng đổi mới của ngành tài chính mà còn đặt ra rủi ro về tính ổn định hệ thống khi các mô hình số hóa phát triển vượt ngoài tầm kiểm soát của pháp luật hiện hành.

Cuối cùng, việc phát triển ngân hàng thuần số tạo điều kiện thúc đẩy đổi mới sáng tạo và mở rộng tài chính toàn diện – một mục tiêu chiến lược trong bối cảnh chuyển đổi số của Việt Nam. Với đặc điểm không phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng vật lý, ngân hàng thuần số có khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính nhanh chóng, chi phí thấp và dễ tiếp cận, đặc biệt thông qua các nền tảng di động và công nghệ tài chính tiên tiến như ví điện tử hay xác thực sinh trắc học. Điều này mang lại tiềm năng lớn trong việc gia tăng sự tham gia tài chính, đặc biệt đối với các nhóm dân cư chưa có tài khoản ngân hàng (unbanked), người dân ở vùng sâu vùng xa hoặc những người gặp rào cản khi tiếp cận các dịch vụ ngân hàng truyền thống do yêu cầu thủ tục phức tạp và chi phí cao. Trên thực tế, các mô hình ngân hàng thuần số tại các quốc gia như Đài Loan hay

Hồng Kông đã chứng minh hiệu quả trong việc thu hẹp khoảng cách tài chính thông qua các dịch vụ linh hoạt và thân thiện với người dùng trẻ.

4.2. Kiến nghị về nguyên tắc xây dựng khung pháp lý cho ngân hàng thuần số

Để xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về ngân hàng thuần số, tác giả kiến nghị rằng nên dựa trên tiền đề là 02 nguyên tắc cơ bản: (1) Nguyên tắc cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và quản lý rủi ro; (2) Nguyên tắc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và đảm bảo an toàn hệ thống.

Đối với nguyên tắc cân bằng giữa đổi mới sáng tạo và quản lý rủi ro. Tiêu chí này đề cập đến việc cấp phép ngân hàng thuần số nhằm mục đích quản lý toàn bộ các rủi ro phát sinh nhưng không làm ảnh hưởng đến các mục tiêu phát triển hoặc mục tiêu quản lý về ổn định tài chính³⁶. Cách tiếp cận dựa trên việc phân bổ rủi ro về công nghệ trong quy định giám sát để thúc đẩy tài chính toàn diện, đổi mới sáng tạo cũng như nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Nguyên tắc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và đảm bảo an toàn hệ thống được xây dựng bằng cách thông qua các cơ chế giám sát, báo cáo. Việc này đảm bảo hệ thống ngân hàng đang hoạt động an toàn và hạn chế tối thiểu nguy cơ rò rỉ dữ liệu khách hàng. Bên cạnh đó, tạo lập các cơ chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thông qua chính sách đặt trách nhiệm duy trì bảo mật trong việc sử dụng dịch vụ ngân hàng thuần số và trách nhiệm pháp lý nếu vi phạm.

³⁶ Sally Chen, Derryl D'Silva, Frank Packer và Siddharth Tiwari, *Virtual banking and beyond*, BIS Papers, vol 120, 2022, p.21.

4.3. Đề xuất nội dung cơ bản của khung pháp lý điều chỉnh ngân hàng thuần số tại Việt Nam

Đầu tiên, việc xây dựng một khung pháp lý rõ ràng để phân định ngân hàng thuần số với các tổ chức tài chính khác là yêu cầu cấp thiết, bắt đầu từ việc xác lập khái niệm pháp lý riêng. Ngân hàng thuần số được hiểu là tổ chức tài chính độc lập, hoạt động hoàn toàn trực tuyến, có giấy phép hoạt động riêng, không hoặc rất hạn chế chi nhánh vật lý, và vận hành chủ yếu trên nền tảng công nghệ số.

Nhóm tác giả đề xuất việc phân biệt ngân hàng thuần số với ngân hàng truyền thống và các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính số khác dựa trên các yếu tố: (1) Cung cấp đầy đủ dịch vụ như tiền gửi, thanh toán, tín dụng nhưng không có mạng lưới chi nhánh vật lý; (2) Khác biệt với các tổ chức trung gian thanh toán hoặc ví điện tử vốn không được phép nhận tiền gửi; (3) Là tổ chức ngân hàng được cấp phép đầy đủ, không chỉ đơn thuần là công ty công nghệ tài chính, và phải đáp ứng các yêu cầu pháp lý về vốn, quản trị, an toàn tài chính và bảo vệ người tiêu dùng.

Thứ hai, để thúc đẩy sự phát triển của ngân hàng thuần số tại Việt Nam, pháp luật cần thiết lập một khung pháp lý bao gồm các quy định rõ ràng về điều kiện cấp phép, giám sát hoạt động, quản lý an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, phòng chống rửa tiền và gian lận tài chính cũng như bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Dựa trên kinh nghiệm của Hồng Kông và Đài Loan, các nội dung sau đây có thể được cụ thể hóa để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả:

- Về cấp phép hoạt động: Việt Nam có thể áp dụng một loại giấy phép chung như Hồng Kông và Đài Loan nhưng điều chỉnh các yêu cầu phù hợp với đặc thù của ngân hàng thuần số. Về điều kiện cấp phép, pháp luật có thể giảm yêu cầu vốn pháp định nhưng tăng tiêu chuẩn công nghệ. Điều này đảm bảo cạnh tranh công bằng với ngân hàng truyền thống đồng thời khuyến khích đổi mới. Theo đó, yêu cầu về hệ thống công nghệ thông tin phải đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn an toàn quốc tế bao gồm cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bảo mật và khả năng xử lý khối lượng giao dịch lớn. Hồng Kông đã yêu cầu báo cáo đánh giá độc lập về quản trị công nghệ thông tin, điều này có thể là tham chiếu cho Việt Nam. Bên cạnh đó, pháp luật cần đặt ra tiêu chuẩn khắt khe về nhân sự quản lý cấp cao bao gồm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và công nghệ cùng với việc thiết lập các cơ chế quản lý rủi ro nội bộ toàn diện, tương tự yêu cầu quản lý 8 loại rủi ro theo kinh nghiệm của Hồng Kông (tín dụng, thanh khoản, vận hành,...).

- Về cơ chế giám sát: Cơ chế giám sát cần được thiết kế phù hợp với bản chất số hóa, tập trung vào rủi ro đặc thù của ngân hàng thuần số như rủi ro thanh khoản, rủi ro vận hành và an ninh mạng. Với rủi ro thanh khoản, pháp luật cần có quy định về tỷ lệ dự trữ thanh khoản tối thiểu (tương tự yêu cầu của HKMA) để đảm bảo ngân hàng thuần số duy trì khả năng chi trả trong các tình huống khủng hoảng, dù không có chi nhánh vật lý. Với rủi ro vận hành và an ninh mạng, pháp luật thiết lập được cơ chế giám sát liên tục các sự cố kỹ thuật và tấn công mạng, kết hợp giữa kiểm tra tại chỗ và giám sát từ xa qua công nghệ. Kèm với đó là yêu cầu về

nghĩa vụ báo cáo định kỳ về tài chính, hoạt động và rủi ro nhằm cung cấp dữ liệu minh bạch cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tương tự nghĩa vụ báo cáo của ngân hàng thuần số tại Hồng Kông và Đài Loan.

- Về quản lý an ninh mạng: Ngân hàng thuần số tuân thủ các tiêu chuẩn về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật như triển khai các biện pháp mã hóa và bảo mật dữ liệu; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố an ninh mạng; bảo vệ quyền riêng tư và sử dụng dữ liệu khách hàng theo nguyên tắc minh bạch và có sự đồng ý của khách hàng.

- Về phòng chống rửa tiền và gian lận tài chính: Ngân hàng thuần số cần tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp pháp lý nhằm đảm bảo tính minh bạch và an toàn của hệ thống tài chính. Cụ thể, các ngân hàng này phải triển khai đầy đủ quy trình xác thực và nhận biết khách hàng (KYC) để xác minh danh tính trước khi thiết lập quan hệ kinh doanh. Đồng thời, cần thiết lập hệ thống giám sát giao dịch theo thời gian thực nhằm phát hiện kịp thời các giao dịch bất thường với ngưỡng báo cáo được quy định rõ ràng để đảm bảo tính nhất quán trong việc thực thi. Ngoài ra, pháp luật cần yêu cầu ngân hàng thuần số báo cáo ngay lập tức các giao dịch đáng ngờ lên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Cục Phòng chống rửa tiền, đồng thời áp dụng các chế tài xử phạt hành chính đối với trường hợp không tuân thủ, nhằm tăng cường hiệu quả quản lý và giảm thiểu rủi ro liên quan đến các hoạt động bất hợp pháp.

- Về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Khung pháp lý cần đặt ưu tiên hàng đầu vào việc bảo vệ khách hàng trong môi trường

số, đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong mọi giao dịch tài chính. Cụ thể, ngân hàng thuần số phải được yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, dễ hiểu về sản phẩm và dịch vụ (bao gồm lãi suất, phí, và các rủi ro tiềm ẩn) thông qua ứng dụng hoặc website. Đồng thời, cần thiết lập một cơ chế giải quyết tranh chấp độc lập và hiệu quả tương tự FDRC tại Hồng Kông hoặc FOI tại Đài Loan. Qua đó, phương thức hòa giải hoặc trọng tài có thể được áp dụng nhanh chóng thay vì đưa vụ việc ra tòa án nhằm giảm thiểu chi phí và thời gian cho khách hàng. Ngoài ra, pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm của ngân hàng thuần số trong việc bồi thường thiệt hại cho khách hàng khi xảy ra sự cố kỹ thuật hoặc gian lận tài chính, chẳng hạn như các vụ việc liên quan đến lỗi bảo mật, dựa trên nguyên tắc đã được áp dụng trong Luật Bảo vệ Người tiêu dùng Tài chính của Đài Loan.

5. Kết luận

Việc phát triển ngân hàng thuần số tại Việt Nam đòi hỏi một khung pháp lý rõ ràng, phù hợp và có thể tham khảo từ kinh nghiệm của Hồng Kông và Đài Loan. Các quy định về điều kiện cấp phép, giám sát hoạt động, an ninh mạng, phòng chống rửa tiền và bảo vệ người tiêu dùng cần được ưu tiên xây dựng, bắt đầu từ cơ chế thử nghiệm sandbox để kiểm soát rủi ro và khuyến khích đổi mới. Đồng thời, việc thúc đẩy các tiêu chuẩn eKYC, bảo mật dữ liệu và mô hình open API sẽ không chỉ đảm bảo tính an toàn, minh bạch mà còn mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính, góp phần vào mục tiêu tài chính toàn diện và phát triển kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.